TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 16/ 6/ 2023
V/v: " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tưởng
2. Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Đình Tú – Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 243/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị V - Sinh năm 1990
Nơi đăng ký cư trú: SN …… Phố ÁS 1, Phường Đ H, thành phố Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Phố XM, Phường ĐH, thành phố T H tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H – Sinh năm 1987
Nơi đăng ký cư trú: SN SN …… Phố ÁS 1, Phường Đ H, thành phố Thanh Hóa
(Tại phiên tòa có mặt chị V, vắng mặt anh H (anh H đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Hữu H kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn và đã nhiều lần anh H chửi bới, đánh đập chị . Do mâu thuẫn trầm trọng, nên từ tháng 01 năm 2023

chị V đã đưa con về nhà mẹ đẻ tại Phố Xuân Minh, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa để ở nhờ và anh chị cũng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị V và anh H có 02 con chung:

1. Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/ 10/ 2010
2. Nguyễn Hữu Ngọc H – sinh ngày 01/ 11/ 2013.

Ly hôn, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D và giao cháu Nguyễn Hữu Ngọc H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiên nuôi con chung cho ai.

Về tài sản và công nợ: Chị V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H kết hôn với chị V vào năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.
Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì chị V đi làm ăn xa và có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân nhau, anh đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái, nhưng chị V không đồng ý.

Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh với chị V vẫn còn, nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng các con.

Về con chung: Anh H cũng thừa nhận anh, chị có 02 con chung:

1. Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/ 10/ 2010
2. Nguyễn Hữu Ngọc H – sinh ngày 01/ 11/ 2013.

Nếu phải ly hôn, anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Ngọc H, còn cháu Nguyễn Thị Thùy D giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương: Chị V và anh H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc tại địa phương. Sau khi sinh được 02 con thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì anh chị không báo cáo, nên chính quyền địa phương không nắm được. Hiên nay chị V đã về nhà mẹ đẻ ở, còn anh H cũng đi làm ăn ở xa. Chị V, và anh H có 02 con chung.

Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào những quy định của pháp luật để giải quyết.

Tuy tại bản khai anh H có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải. Mặc dù anh H đã nhận được Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án hợp lệ và Tòa án cũng đã liên hệ với anh H qua điện thoại, nhưng anh H vẫn không đến Tòa án tham gia phiên họp, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Mặt khác Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H, nhưng tại phiên tòa anh H vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ . Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.
- Về con chung: Chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Hữu H có 02 con.

1. Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/ 10/ 2010
2. Nguyễn Hữu Ngọc H– sinh ngày 01/ 11/ 2013.

Ly hôn, giao cho chị Đỗ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy Dương – sinh ngày 11/ 10/ 2010 và giao cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Ngọc Huy – sinh ngày 01/ 11/ 2013. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H, chị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", bị đơn có đăng ký nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ nhất, nhưng anh vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] *Về hôn nhân:* Anh H và chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị sảy ra mâu thuẫn, nên chị V đã về nhà mẹ đẻ ở nhờ và anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án tuy anh H không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng đoàn tụ. Nhưng anh H không hợp tác, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, nên không thể hòa giải để anh chị về đoàn tụ được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho chị V được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Hữu H có 02 con chung:

1. Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/ 10/ 2010
2. Nguyễn Hữu Ngọc H – sinh ngày 01/ 11/ 2013.

Ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Nguyễn Hữu Ngọc H. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Mặt khác tại bản khai cháu Nguyễn Thị Thùy D có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu Nguyễn Hữu Ngọc H có nguyện vọng được ở với bố.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng của anh, chị là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Anh H, chị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1.Về hôn nhân:Xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị V và anh Nguyễn Hữu H có 02 con chung:

1. Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/ 10/ 2010
2. Nguyễn Hữu Ngọc H – sinh ngày 01/ 11/ 2013.

Ly hôn, giao cho chị Đỗ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D – sinh ngày 11/ 10/ 2010 và giao cho anh Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Ngọc H – sinh ngày 01/ 11/ 2013. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Anh H, chị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí*:* Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002872 ngày 22/ 3/ 2023 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị V đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Đông Hải;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

1. Ông Trịnh Xuân Tính

2. Ông Lê Văn Tú